

Số: 6964/CT-TTHT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

V/v chính sách thuế TNDN đối với
Dự án ODA không hoàn lại

Kính gửi: Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
Địa chỉ: Số 10, Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, TP Hà Nội;
MST: 0101446168

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 1713/QLCL-TC đề ngày 22/8/2018 của Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (sau đây gọi là Đơn vị) về việc hướng dẫn áp dụng thuế TNDN từ Dự án ODA không hoàn lại của CP Nhật Bản, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

+ Tại Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh:

"1. Thông tư này áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (dưới đây gọi chung là các dự án ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt..."

+ Tại Điều 5 quy định chính sách thuế đối với Chủ dự án:

"2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam.

a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Chủ dự án không được hoàn thuế

GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT."

+ Tại Điều 6 quy định chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án:

"2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

a) Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

b) Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

...d) Trường hợp nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT. Nhà thầu chính phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành...."

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

"Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam

hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu..."

+ Tại Điều 2 quy định đối tượng không áp dụng;

+ Tại Điều 5 quy định các loại thuế áp dụng;

+ Tại Điều 8 Mục 2 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế (gọi tắt là phương pháp kê khai);

+ Tại Điều 9, Điều 10 Mục 2 quy định về thuế GTGT và thuế TNDN theo phương pháp kê khai như sau:

"Điều 9. Thuế giá trị gia tăng

Thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành."

+ Tại Điều 11 Mục 3 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu (sau đây gọi tắt là phương pháp trực tiếp);

+ Tại Điều 12 Mục 3 quy định về thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;

+ Tại Điều 13 Mục 3 quy định về thuế TNDN theo phương pháp trực tiếp như sau:

"Điều 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế.

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế} \\ \text{TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu tính} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thuế TNDN tính trên} \\ \text{doanh thu tính thuế} \end{array}$$

1. Doanh thu tính thuế TNDN

a) Doanh thu tính thuế TNDN

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có)...

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng: - Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2
3	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2
4	Xây dựng, lắp đặt có bao thầu hoặc không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2
5	Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác, vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không)	2
6	Chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, tái bảo hiểm ra nước ngoài, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	0,1
7	Lãi tiền vay	5
8	Thu nhập bản quyền	10

b) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với một số trường hợp cụ thể:

b.1) Đối với các hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ bao gồm nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau, việc áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế khi xác định số thuế TNDN phải nộp căn cứ vào doanh thu chịu thuế TNDN đối với từng hoạt động kinh doanh do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng. Trường hợp không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ thuế TNDN đối với ngành nghề kinh doanh có tỷ lệ thuế TNDN cao nhất cho toàn bộ giá trị hợp đồng...."

Căn cứ các quy định trên, do Đơn vị chưa ký hợp đồng với các Nhà thầu để mua hàng hóa, dịch vụ thực hiện Dự án "Tăng cường năng lực kiểm nghiệm cho Trung tâm kiểm nghiệm kiểm chứng và tư vấn chất lượng nông lâm thủy sản để đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản" (là Dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại), Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn nguyên tắc như sau:

- Đối với Nhà thầu là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và kinh doanh tại Việt Nam thì thuế GTGT, thuế TNDN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đối với Nhà thầu là các Doanh nghiệp Nhật Bản không kinh doanh tại Việt Nam nhưng phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng với Đơn vị thì thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng điều kiện trực tiếp khai thuế tại Việt Nam thì bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, kê khai nộp thuế nhà thầu thay cho Nhà thầu nước ngoài, cụ thể:

+ Thuế GTGT: Nếu Dự án ODA viện trợ không hoàn lại không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT, hợp đồng ký giữa nhà thầu chính với Chủ dự án ODA để thực hiện dự án không bao gồm thuế GTGT thì Nhà thầu chính không phải nộp thuế GTGT.

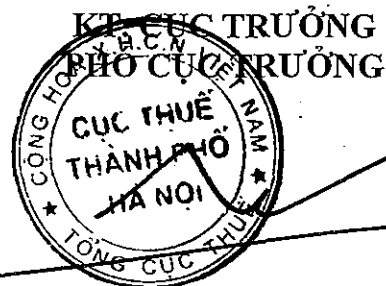
+ Thuế TNDN: Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động thương mại (bao gồm cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị) là 1%; đối với dịch vụ tư vấn (bao gồm tư vấn thiết kế, giám sát) là 5%; ... theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

Nếu còn vướng mắc, đề nghị Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 5 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản được biết và thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT5;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6;3)



Mai Sơn